

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ
Ngày: 29/10/2019
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Thị Mỹ;

Ông Phạm Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST- HNGĐ ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Hữu Thị Minh H, sinh năm 1988; có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Đăng Xuân C, sinh năm 1987; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Hữu Thị Minh H trình bày: Bà H và ông Lê Đăng Xuân C tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D vào năm 2016. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông C không lo làm ăn mà chỉ lo nhậu nhẹt, mỗi lần vợ chồng xảy ra cãi vã, ông C hay xúc phạm đến bà H. Nhiều lần bà H đã cho ông C cơ hội sửa đổi nhưng ông C vẫn không thay đổi. Bà H và ông C không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2017 cho đến nay. Do bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

Đối với bị đơn ông Lê Đăng Xuân C, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông C vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, niêm yết đối với ông C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Hữu Thị Minh H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông C; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét; về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Đăng Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hữu Thị Minh H và ông Lê Đăng Xuân C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D vào ngày 07/11/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của bà Đỗ Hữu Thị Minh H tại phiên tòa sơ thẩm thì trong thời gian chung sống giữa bà H và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên không hòa hợp tính tình, ông C không chăm lo cuộc sống gia đình, hay nhậu nhẹt dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà H và ông C không còn chung sống với nhau kể từ tháng 9/2017 cho đến nay, hiện mỗi bên đều ở riêng, tự lo cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông C được Tòa án nhân dân huyện D triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà H. Điều này thể hiện ông C đã bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của ông và bà H. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, cho bà H được ly hôn ông C.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Đỗ Hữu Thị Minh H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Hữu Thị Minh H được ly hôn ông Lê Đăng Xuân C

2. Về án phí: Bà Đỗ Hữu Thị Minh H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002703 ngày 05/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Đ, D (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ